

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 09-8-2023.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lâm Thị Loan Em.

- Ông Nguyễn Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023, về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-NHGD, ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đặng Văn C, sinh năm 1976. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Bà Hào Thị Tuyết N, sinh ngày 01/01/1976. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2023 nguyên đơn ông Đặng Văn C trình bày:*

Ông Đặng Văn C và bà Hào Thị Tuyết N cưới nhau năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn vào ngày 22/9/2005. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì khoảng vào năm 2021 vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông C yêu cầu được ly hôn với bà Hào Thị Tuyết N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông C và bà N có 01 người con chung tên Đặng Kiều A, sinh ngày 21/8/2005, ông C đồng ý giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2023 của bà Hào Thị Tuyết N khai:*

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C về hôn nhân, con chung, bà và ông C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới với nhau và có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của ông C, bà N đồng ý. Về con chung, bà N thống nhất như ông C trình bày, hiện con chung đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N yêu cầu tiếp tục được quyền nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, về con chung đề nghị giao cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn C và bà Hào Thị Tuyết N tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Ông C yêu cầu ly hôn, bà N đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng các đương sự đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau, xét thấy ông C và bà N thật sự tự nguyện ly

hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất công nhận cho ông Đặng Văn C và bà Hào Thị Tuyết N được thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn ông Đặng Văn C và bà Hào Thị Tuyết N có một người con là Đặng Kiều A, sinh ngày 21/8/2005, hiện cháu Anh đang sống chung với bà N, bà N yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu A đang sinh sống cùng với bà N nên giao cháu A cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở ông C thực hiện quyền của mình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Đặng Văn C và bà Hào Thị Tuyết N mỗi người phải nộp 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[6] Tại phiên toà Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn, giao con cho bị đơn nuôi dưỡng và buộc các đương sự cùng có nghĩa vụ nộp án phí là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận cho ông Đặng Văn C và bà Hào Thị Tuyết N được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Kiều A, sinh ngày 21/8/2005 cho bà Hào Thị Tuyết N trực tiếp nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Đặng Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn ông Đặng Văn C và bà Hào Thị Tuyết N mỗi người phải nộp 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, ông C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008159 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, ông C được nhận lại 150.000 đồng tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản

án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng